

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2008

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	78,727,104,159	95,451,269,535
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1,186,240,181	1,541,589,942
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	31,290,644,282	17,842,564,847
4	Hàng tồn kho	39,655,925,542	75,183,126,215
5	Tài sản ngắn hạn khác	6,594,294,154	883,988,531
II	Tài sản dài hạn	69,869,903,012	74,091,854,681
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	65,976,879,589	61,286,815,725
	- Tài sản cố định hữu hình	44,310,597,276	45,427,587,502
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21,666,282,313	15,859,228,223
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3,833,590,000	12,716,795,000
5	Tài sản dài hạn khác	59,433,423	88,243,956

III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	148,597,007,171	169,543,124,216
IV	Nợ phải trả	77,759,035,818	113,709,656,645
1	Nợ ngắn hạn	77,496,128,709	113,709,656,645
2	Nợ dài hạn	262,907,109	
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	70,837,971,353	55,833,467,571
1	Vốn chủ sở hữu	70,084,668,586	54,331,715,260
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40,745,000,000	40,745,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	7,902,305	7,902,305
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	3,871,542,609	7,381,905,702
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11,415,224,638	6,196,907,253
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	14,044,999,034	
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	753,302,767	1,501,752,311
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	753,302,767	1,501,752,311
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	148,597,007,171	169,543,124,216

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)*

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	170,754,439,865	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4,919,029,047	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	165,835,410,818	
4	Giá vốn hàng bán	143,362,923,505	
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22,472,487,313	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	902,448,695	
7	Chi phí tài chính	12,621,724,687	
8	Chi phí bán hàng	2,740,212,975	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,937,468,390	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2,924,470,044)	
11	Thu nhập khác	32,070,904,070	
12	Chi phí khác	19,592,233,153	
13	Lợi nhuận khác	12,478,670,917	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,554,200,873	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,493,250,829	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8,060,950,044	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,978	

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN				
<i>(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)</i>				
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		47,02	43,70
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		52,98	56,30
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		52,33	67,06
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		47,67	32,93
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,01	0,01
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,91	1,49
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản		8,70	4,75
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		7,64	4,86
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		18,25	14,44
		CTY CP CƠ KHÍ-XÂY DỰNG GIAO THÔNG		
		Tổng Giám Đốc		
		(Đã ký)		
		Đào Việt Phương		